

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2019/HS-PT
Ngày 10 tháng 9 năm 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Thành
Các Thẩm phán: - Ông Phạm Đình Thanh
- Ông Võ Đình Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*
Ông Phạm Bai - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 98/2019/TLPT-HS ngày 28 tháng 6 năm 2019, đối với các bị cáo Trần Khánh D, Trần Thế D, Nguyễn Xuân L do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 107/2019/HSST ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Trần Khánh D, sinh năm 1984 tại Khánh Hòa; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: thôn 2, xã D1, Huyện D, tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: thôn P, xã Đ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: thợ sơn; trình độ học vấn: 05/12; con ông Trần Văn X và bà Trần Thị Bạch Y; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/12/2017. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Trần Thế D, sinh năm 1988 tại Khánh Hòa; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Cù Lao T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: đường T, xã P, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 04/12; con ông Trần Văn C và bà Trần Thị Kim D; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/01/2019. Có mặt tại phiên tòa.

3/ Nguyễn Xuân L, sinh năm 1983 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: xã D1, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: thợ sơn; trình độ học vấn: 05/12; con ông Nguyễn Xuân N và bà Võ Thị M; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: - Tại bản án số 162/HSST ngày 01 tháng 10 năm 2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 06 năm tù về tội “ Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30 tháng 8 năm 2007; đã thi hành xong tiền án phí và tiền bồi thường.

- Ngày 30 tháng 8 năm 2000 bị Ủy ban nhân dân xã D1 ra quyết định giáo dục tại xã 03 tháng.

- Ngày 01 tháng 5 năm 2001 bị Công an thị xã C xử phạt hành chính 100.000đ về hành vi đánh người;

- Ngày 15 tháng 7 năm 2001 bị Công an xã D1 xử phạt hành chính phạt 100.000đ về hành vi đánh người.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/01/2019. Có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

Bị hại: Ông Phạm Tấn T3, sinh năm 1993, nơi cư trú: xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 03 tháng 6 năm 2017 Trần Khánh D, Trần Thế D, Lê Duy T1, Nguyễn Xuân L và H (chưa xác định được lai lịch) đang ngồi uống bia tại quán của Trần Khánh D ở thôn P, xã P, thành phố N thì Nguyễn Văn T2 và Phạm Tấn T3 đi xe máy tới và dừng trước quán hỏi mua thuốc lá. T3 xuống xe đi tới chỗ bàn nhậu và hỏi “Ở đây ai là U khủng” thì L đứng dậy nhận là U khủng. T3 dùng tay kẹp cổ L dẫn ra khỏi bàn nhậu thì hai bên xảy ra mâu thuẫn, đánh nhau bằng tay chân. Khánh D thấy vậy liền nói “Đánh chết mẹ nó đi, nhỏ mà láo” rồi cùng Thế D cầm ly uống bia bằng thủy tinh xông vào đánh vào mặt và người của T3. T3 bỏ chạy đến công viên H thì bị Thế D đuổi kịp, Thế Duy dùng tay ôm giữ T3 lại. T3 cầm chìa khóa xe máy đâm nhiều cái vào tay phải của Thế D. Lúc này, Khánh D và L chạy đến, Khánh D cầm một cây rìu lấy được từ trong quán giơ lên chém một cái trúng vào cánh tay phải của T3. L dùng tay chân đánh T3 rồi cầm một cành cây vừa bẻ được đánh vào lưng của T3. Sau đó nhóm của Khánh D bỏ đi, còn T3 được người dân đưa tới bệnh viện chữa trị vết thương.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 195/TgT ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Trung tâm Pháp y - Sở y tế tỉnh Khánh Hòa kết luận Phạm Tấn T3 bị 01 vết sẹo phần mềm vùng cẳng tay phải, sẹo có kích thước lớn, khô tốt; tỷ lệ thương tật 8%. 13 vết sẹo phần mềm, vùng trán, vùng mặt, vùng tay phải và vùng tay trái sẹo kích thước nhỏ khô tốt; tỷ lệ thương tật 7%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 14%.

Tại bản cáo trạng số 52/CT-VKSNT ngày 25 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã truy tố bị cáo Trần Khánh D, Trần Thế D,

Nguyễn Xuân L về tội “ Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 điều 134 (viện dẫn điểm a khoản 1 điều 134) Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với Trần Thế D, bị T3 đâm ở tay nhưng không yêu cầu khởi tố, không yêu cầu bồi thường.

Đối với Lê Duy T1, H không tham gia nên không có căn cứ để xử lý hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 107/2019/HSST ngày 17 tháng 5 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Khánh D; xử phạt bị cáo Trần Khánh D 02 (hai) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Thế D; xử phạt bị cáo Trần Thế D 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Xuân L; xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt giam thi hành án

- Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, bị cáo Trần Khánh D có đơn kháng cáo xin giảm mức hình phạt.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, các bị cáo Trần Thế D, Nguyễn Xuân L có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Trần Khánh D, Trần Thế D và Nguyễn Xuân L giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung án sơ thẩm. Bị cáo Trần Thế D cung cấp tài liệu chứng minh tiếp tục bồi thường cho bị hại 5.000.000 đồng và bị hại có đơn yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị hại Phạm Tấn T3 trình bày: đã nhận 5.000.000 đồng tiền bồi thường thêm của bị cáo Trần Thế D. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Khánh D, Nguyễn Xuân L và chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thế D, sửa án sơ thẩm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Trần Thế D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo Trần Khánh D, Trần Thế D, Nguyễn Xuân L trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Khánh D, Trần Thế D và Nguyễn Xuân L đã khai nhận hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 03 tháng 6 năm 2017, tại thôn P, xã Đ, thành phố N, do có mâu thuẫn trong lời nói và hành động giữa bị hại Phạm Tấn T3 với bị cáo Nguyễn Xuân L dẫn đến việc xô xát, đánh nhau. Các bị cáo Trần Khánh D, Trần Thế D, Nguyễn Xuân L đã dùng ly uống bia bằng thủy tinh, rìu, cây gỗ đánh, chém vào người của Phạm Tấn T3 gây thương tích 14%.

Hành vi của các bị cáo đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (viện dẫn điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tại điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm theo quy định tại điểm a khoản 1) Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định hình phạt nhẹ hơn, có lợi cho các bị cáo. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Trần Khánh D, Trần Thế D và Nguyễn Xuân L là phù hợp quy định khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Trần Khánh D, Trần Thế D, Nguyễn Xuân L, như: đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có một phần lỗi và có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, xử phạt bị cáo Trần Khánh D 02 (hai) năm tù, xử phạt bị cáo Trần Thế D 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ cũng như hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Khánh D, là người khởi xướng việc đánh nhau, bản thân bị cáo là người trực tiếp dùng ly uống bia bằng thủy tinh và rìu đánh bị hại; thương tích của bị hại chủ yếu là do bị cáo gây ra. Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Xuân L, là đồng phạm nhưng có vai trò hạn chế hơn so với các bị cáo Trần Khánh D và Trần Thế D nhưng bị cáo có nhân thân xấu. Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết mới và các quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Trần Khánh D, Nguyễn Xuân L là có căn cứ, đúng pháp luật nên Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Trần Khánh D, Nguyễn Xuân L. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trần Thế D,

tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp chứng cứ chứng minh sau khi xét xử sơ thẩm đã tiếp tục bồi thường cho bị hại 5.000.000 đồng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Bị cáo Trần Thế D có nhân thân tốt; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo, không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Khánh D, Nguyễn Xuân L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Trần Thế D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Ngoài ra, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không ghi viện dẫn điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 343, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Trần Khánh D, Nguyễn Xuân L,

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (viện dẫn điểm a khoản 1 Điều 134); điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Khánh D,

Xử phạt: Bị cáo Trần Khánh D 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (viện dẫn điểm a khoản 1 Điều 134); điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Xuân L.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Căn cứ Điều 343, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Chấp nhận kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm đối với bị cáo Trần Thế D,

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (viện dẫn điểm a khoản 1 Điều 134); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Thế D,

Xử phạt: bị cáo Trần Thế D 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 10 tháng 9 năm 2019).

Giao bị cáo Trần Thế D cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Trần Thế D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Trần Khánh D, Nguyễn Xuân L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Trần Thế D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 10 tháng 9 năm 2019).

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thành phố N;
- VKSND thành phố N;
- Công an thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Trung Thành